

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2025/DS-ST
Ngày 08 - 8 - 2025
“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Tuấn Mạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Văn Đoan và ông Trần Văn Học

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Anh, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân nhân dân khu vực 10 - Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Lưu Hải Dương, Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân nhân dân khu vực 10 - Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 26/2025/TLST- DS ngày 10 tháng 02 năm 2025, về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2025/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Ông Phạm Thành Đ, sinh năm 1991.

Nơi cư trú: Số 22, Ngõ 20, đường T, phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc.

Nay là: Số 22, Ngõ 20, đường T, phường V, tỉnh Phú Thọ. “Có mặt”

+ Bị đơn: Bà Tạ Thị N, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Thôn Tr, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

Nay là: Thôn T, xã T, tỉnh Phú Thọ “Vắng mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15 tháng 01 năm 2025 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Phạm Thành Đ trình bày:

Ông có quan hệ xã hội với bà Tạ Thị N, nên giữa ông và bà N có xác lập quan hệ vay tiền cụ thể: Vào các ngày 19/10/2023 và ngày 01/11/2023 dương lịch ông có chuyển khoản 02 lần từ tài khoản của ông có số tài khoản là 391268789 tại Ngân hàng K vào tài khoản của bà N có số tài khoản là 108326839999 tại ngân hàng V với mỗi lần chuyển số tiền là 30.000.000 đồng, mục đích cho cho bà

nguyệt vay, hai bên thoả thuận không tính lãi, không thoả thuận thời hạn trả, không có tài sản gì để bảo đảm cho khoản vay.

Khoảng cuối năm 2023, ông có nhiều lần đòi tiền bà N đã vay nhưng bà N không trả.

Nay ông khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà Tạ Thị N phải trả cho ông tổng số tiền vay là 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng), ông không yêu cầu trả lãi.

Bị đơn bà Tạ Thị N vắng mặt tại phiên toà, tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Về quan hệ xã hội với ông Đ là đúng như ông Đ trình bày, về số tiền chuyển cho bà và thời gian chuyển số tiền 60.000.000 đồng là đúng bà không có ý kiến gì.

Tuy nhiên bà không đồng ý với yêu cầu của ông Đ cho rằng bà vay tiền của ông Đ, vì số tiền trên là số tiền ông Đ góp vốn làm ăn cùng với bà mở quán bán nước, nhưng làm ăn thua lỗ nên mất hết. Sau khi hai bên xảy ra mâu thuẫn vào khoảng cuối năm 2023, ông Đ có nhiều lần yêu cầu bà trả số tiền trên nhưng bà chưa trả vì bà không có tiền, bà đã nói là khi nào có thì trả nhưng ông Đ không nghe, nay ông Đ khởi kiện bà đồng ý trả cho ông Đ số tiền 60.000.000 đồng mà ông Đ đã chuyển cho bà tuy nhiên đến hết tháng 9 năm 2025 bà mới trả hiện nay bà không có tiền. Khi trả bà đề nghị trừ đi số tiền ông Đ đã hủy hoại tài sản của bà cụ thể: Khoảng cuối năm 2023, bà và ông Đ xảy ra mâu thuẫn bất đồng thì ông Đ có đập phá xe ô tô của bà, phá cửa nhà bằng gỗ trên tầng 2 của bà thiệt hại tổng là 10.000.000 đồng và 02 lần gắn đinh vít vào xe ô tô của bà, bà phải thuê người tháo đinh vít hết 3.500.000 đồng; bà chỉ đồng ý trả ông Đ số tiền 46.500.000 đồng vào cuối tháng 9 năm 2025.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà Tạ Thị N phải trả ông Phạm Thành Đ số tiền gốc là 60.000.000 đồng, không lãi suất. Bà Nguyệt phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Ông Phạm Thành Đ có đơn khởi kiện đối với bà Tạ Thị N trả ông số tiền 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) tiền gốc theo các chứng từ

chuyển khoản ngày 19/10/2023 và ngày 01/11/2023 dương lịch vào tài khoản của bà N là 108326839999 tại ngân hàng V; bà N đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc nay là xã T, tỉnh Phú Thọ. Do vậy, xác định đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc nay là Tòa án nhân dân khu vực 10 – Phú Thọ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; mục 2 điều 1 Luật số 85/2025 ngày 01/7/2025 của Quốc hội về sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về sự có mặt của đương sự: Bà Tạ Thị N vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung khởi kiện:

[3.1]. Nguyên đơn và bị đơn đều xác định: Vào các ngày 19/10/2023 và ngày 01/11/2023 dương lịch ông Đ có chuyển tiền từ tài khoản của ông Đ là 391268789 tại Ngân hàng K vào tài khoản của bà N là 108326839999 tại ngân hàng V mỗi lần chuyển 30.000.000 đồng, tổng là 60.000.000 đồng đến nay các bên chưa trả cho nhau. Ông Đ cho rằng số tiền ông chuyển cho bà N là số tiền ông cho bà N vay. Còn bà N cho rằng số tiền ông Đ chuyển cho bà là số tiền góp vốn làm ăn chung (Mở quán bán nước).

Nay ông Đ khởi kiện yêu cầu bà N trả ông tổng số tiền là: 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng). Không yêu cầu tính lãi.

Bà N1 trình bày, ông Đ có chuyển cho bà tổng số tiền 60.000.000 đồng là đúng, tuy nhiên bà không vay tiền của ông Đ, số tiền ông Đ chuyển cho bà là tiền góp vốn làm ăn chung. Nay bà đồng ý trả cho ông Đ số tiền 60.000.000 đồng mà ông Đ đã chuyển cho bà, tuy nhiên nay làm ăn khó khăn bà chưa có để trả ngay, đến cuối tháng 9 năm 2025 bà mới trả được. Khi trả bà đề nghị trừ đi số tiền ông Đ đã hủy hoại tài sản của bà cụ thể: Khoảng năm 2023, bà và ông Đ xảy ra mâu thuẫn bất đồng thì ông Đ có đập phá xe ô tô của bà, phá cửa nhà bằng gỗ trên tầng 2 của bà thiệt hại tổng là 10.000.000 đồng và 02 lần gắn định vị vào xe ô tô của bà, bà phải thuê người tháo định vị hết 3.500.000 đồng nay bà chỉ đồng ý trả ông Đ số tiền 46.500.000 đồng.

[3.2]. Hội đồng xét xử thấy, quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều thừa nhận vào các ngày 19/10/2023 và ngày 01/11/2023 dương lịch ông Đ có chuyển vào tài khoản của bà Tạ Thị N là 108326839999 tại ngân hàng V mỗi lần chuyển số tiền 30.000.000 đồng, tổng là 60.000.000 đồng đến nay các bên chưa trả cho

nhau. Ông Đ đã đòi nhiều lần nhưng bà N không trả được, Vì vậy ông Đ khởi kiện, các đương sự không có ý kiến gì về việc ông Đ khởi kiện.

Bà N1 thừa nhận ông Đ chuyển cho bà tổng số tiền 60.000.000 đồng là đúng, tuy nhiên đây không phải là tiền vay mà là tiền góp vốn làm ăn chung, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã có nhiều lần làm việc với bà N1 yêu cầu chứng minh, cung cấp các tài liệu chứng cứ chứng minh việc bà và ông Đ có góp vốn làm ăn chung như bà trình bày, tuy nhiên bà đều không cung cấp được các tài liệu chứng cứ chứng minh vì vậy quan điểm của bà cho rằng số tiền 60.000.000 đồng là tiền góp vốn làm ăn chung là không có cơ sở nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Đối với việc bà đồng ý trả số tiền 60.000.000 đồng, tuy nhiên bà đề nghị đến cuối tháng 9 năm 2025 bà mới trả được. Khi trả bà đề nghị trừ đi số tiền ông Đ đã hủy hoại tài sản của bà tổng thiệt hại là 13.500.000 đồng, bà chỉ đồng ý trả ông Đ số tiền 46.500.000 đồng; tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã có nhiều lần làm việc với bà N1 và yêu cầu bà chứng minh, cung cấp các tài liệu chứng cứ chứng minh việc ông Đ có hành vi hủy hoại tài sản của bà; tuy nhiên bà đều không chứng minh được vì vậy yêu cầu của bà không có cơ sở nên Hội đồng xét xử không chấp nhận. Nếu sau này bà có tài liệu chứng cứ, chứng minh thì bà có quyền khởi kiện vụ án dân sự khác hoặc gửi đơn đến công an đề nghị được xem xét.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, có đủ cơ sở khẳng định, giữa ông Phạm Thành Đ và bà Tạ Thị N xác lập giao dịch dân sự là hợp đồng vay tài sản không lãi suất, không có kỳ hạn nên phát sinh quyền và nghĩa vụ.

Tại khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự quy định:

“1. Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản và bên vay cũng có quyền trả nợ vào bất cứ lúc nào, nhưng phải báo cho nhau biết trước một thời gian hợp lý, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”.

Đối số tiền gốc 60.000.000 đồng ông Đ chuyển cho bà N, đến nay chưa thanh toán quá trình giải quyết vụ án các bên đều thừa nhận số tiền vay này, vì vậy yêu cầu của ông Đ buộc bà N trả ông số tiền trên là có căn cứ cần chấp nhận.

Ngoài ra ông Đ không đề nghị trả lãi, nên Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên ông Phạm Thành Đ không phải nộp tiền án phí. Trả lại ông Đ tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bà Tạ Thị N phải nộp án dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

[5]. Về ý kiến của Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, cần xem xét khi quyết định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều **Điều 280, 463, 466, 469** Bộ luật dân sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Thành Đ.

Buộc bà Tạ Thị N phải trả ông Phạm Thành Đ số tiền gốc là 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) theo các chứng từ chuyển khoản ngày 19/10/2023 và ngày 01/11/2023 từ tài khoản của ông Đ là 391268789 tại Ngân hàng K vào tài khoản của bà Tạ Thị N là 108326839999 tại ngân hàng V, không lãi suất.

2. Bà Tạ Thị N phải nộp 3.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả ông Phạm Thành Đ số tiền tạm ứng án phí là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) đã nộp tại biên lai thu số 0003594 ngày 06/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Lạc nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 10.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án không thi hành khoản tiền còn nợ thì còn phải trả tiền lãi theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND khu vực 10;
- Phòng THADS khu vực 10;
- Các đương sự;
- Lưu VP-HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Hoàng Tuấn Mạnh